

**DANH SÁCH DỰ KIẾN THU HỒI CỦA CÁC TỔ CHỨC; HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN; NGƯỜI LIÊN QUAN ĐANG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG  
ĐỂ GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỂM DÂN CƯ MỚI THÔN MẠC XÁ, XÃ QUANG PHỤC, HUYỆN TỨ KỲ**

**Địa bàn: Xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của UBND xã Tứ Kỳ)*

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10
1	Đỗ Tiến Trung	1	1191	LUC	136	136	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1193	LUC	56	56	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1194	LUC	78	78	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
2	Đỗ Thị Chi	1	1047	LUC	161	161	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1109	LUC	207	207	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
3	Hoàng Minh Khuê (Mận)	1	957	LUC	597	597	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
4	Hoàng Ngọc Sứ	1	1268	LUC	83	83	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
5	Hoàng Quốc Duy	1	1039	LUC	725	675	50	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
6	Hoàng Thị Hường	1	1058	LUC	150	150	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1059	LUC	165	165	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
7	Hoàng Thị Minh	1	882	LUC	524	524	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	918	LUC	95	95	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1133	LUC	156	156	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
8	Hoàng Thị Ninh	1	1010	LUC	252	252	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1060	LUC	219	219	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
9	Hoàng Trọng Hùng	1	1264	LUC	230	51	179	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1267	LUC	193	1	192	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1233	LUC	174	174	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
10	Hoàng Trọng Hưng	1	1373	LUC	195	195	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1099	LUC	108	108	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
11	Hoàng Văn Quân (Ly)	1	1104	LUC	319	319	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1210	LUC	286	285	1	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
12	Hoàng Văn Thắm	1	1001	LUC	113	113	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
13	Hoàng Văn Trọng	1	1155	LUC	210	210	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
14	Lê Văn Thắng + Lê Thị Nhân	1	1105	LUC	271	271	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
15	Nguyễn Thị Viên	1	1208	LUC	468	467	1	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1218	LUC	164	164	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
16	Nguyễn Tuấn Anh	1	1113	LUC	441	441	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1134	LUC	292	292	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1137	LUC	179	179	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1140	LUC	212	212	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1235	LUC	354	354	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
17	Nguyễn Thế Tiệp	1	919	LUC	466	466	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	951	LUC	408	408	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	952	LUC	321	321	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	953	LUC	493	493	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	954	LUC	541	541	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1014	LUC	351	351	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
18	Nguyễn Thị Biền	1	1222	LUC	207	207	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1270	LUC	155	154	1	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
19	Nguyễn Thị Bông	1	1234	LUC	386	386	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1650	LUC	156	156	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
20	Nguyễn Thị Chiên	1	1101	LUC	351	351	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
20	Nguyễn Thị Chinh	1	1106	LUC	193	193	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
21	Nguyễn Thị Điền	1	1004	LUC	302	302	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
22	Nguyễn Thị Kinh	1	1148	LUC	263	263	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
23	Nguyễn Thị Khải	1	1041	LUC	233	233	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
24	Nguyễn Thị Lý	1	1141	LUC	153.6	153.6	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
25	Nguyễn Thị Mai	1	1011	LUC	210	210	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
26	Nguyễn Thị Mẫn	1	916	LUC	302	302	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
27	Nguyễn Thị Mân	1	1206	LUC	306	306	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
28	Nguyễn Thị Nhân	1	1019	LUC	256	256	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1020	LUC	235	235	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1021	LUC	212	212	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1022	LUC	472	472	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1043	LUC	214	214	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1044	LUC	309	309	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
29	Nguyễn Thị Quy	1	1107	LUC	199	199	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1139	LUC	208	208	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
30	Nguyễn Thị Sử	1	1211	LUC	143	143	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
31	Nguyễn Thị Tươi	1	1146	LUC	525	525	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
32	Nguyễn Thị Thu	1	1103	LUC	216	216	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
33	Nguyễn Thị Thuý Oanh	1	1046	LUC	117	117	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
34	Nguyễn Thị Xuân (Yêm)	1	1052	LUC	345	345	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
35	Nguyễn Văn Công	1	1116	LUC	143	143	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1117	LUC	126	126	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
36	Nguyễn Văn Duật	1	1220	LUC	199	199	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1221	LUC	213	213	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
37	Nguyễn Văn Đát	1	1111	LUC	193	193	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
37	Nguyễn Văn Đa	1	1132	LUC	86	86	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
38	Nguyễn Văn Đức	1	1048	LUC	290	290	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
39	Nguyễn Văn Long	1	1061	LUC	183	183	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
40	Nguyễn Văn Quảng	1	1265	LUC	205	187	18	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
41	Nguyễn Văn Quyền (Huế)	1	1049	LUC	232	232	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
42	Nguyễn Văn Soái	1	1115	LUC	80	80	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1207	LUC	158	158	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
43	Nguyễn Văn Tấn	1	1138	LUC	201.6	201.6	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
44	Nguyễn Văn Thú	1	1012	LUC	350	350	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1219	LUC	308	308	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
45	Nguyễn Văn Úy	1	1114	LUC	314	314	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1142	LUC	220	220	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
46	Nguyễn Văn Vinh	1	1045	LUC	166	166	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1100	LUC	518	518	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
47	Phạm Đức Giao	1	1202	LUC	199	199	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1217	LUC	351	318	33	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
48	Phạm Đức Nghiệp	1	1040	LUC	263	263	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1200	LUC	133	133	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1054	LUC	371	371	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
49	Phạm Hồng Quảng	1	1057	LUC	156	156	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
50	Phạm Khắc Giai	1	1231	LUC	374	374	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1232	LUC	386	386	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
51	Phạm Khắc Hình	1	1149	LUC	229	229	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
51	Phạm Khắc Thịnh	1	1199	LUC	299	299	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
52	Phạm Khắc Hoàn	1	1005	LUC	253	253	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
53	Phạm Khắc Quảng	1	1018	LUC	272	272	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
54	Phạm Khắc Tiềm	1	956	LUC	156	156	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
55	Phạm Khắc Tiến	1	1135	LUC	122	122	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
56	Phạm Khắc Tiệp	1	1196	LUC	185	185	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1229	LUC	117	117	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1230	LUC	288	288	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
57	Phạm Khắc Tú	1	1362	LUC	160	160	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
58	Phạm Khắc Thiêm	1	1204	LUC	62	62	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
59	Phạm Ngọc Dương	1	917	LUC	168	168	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1023	LUC	74	74	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1055	LUC	274	274	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
60	Phạm Quang Trung (Thuý)	1	1151	LUC	188	188	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
61	Phạm Thị Ái	1	1150	LUC	301	301	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
62	Phạm Thị Băng	1	912	LUC	118	118	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	961	LUC	206	206	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	962	LUC	180	180	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1648	LUC	269	269	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
63	Phạm Thị Biển	1	1108	LUC	235	235	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
64	Phạm Thị Cận	1	1203	LUC	377	377	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
65	Phạm Thị Dung (Bắc)	1	1008	LUC	261	261	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
66	Phạm Thị Dừa	1	1064	LUC	153	153	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
67	Phạm Thị Đông	1	948	LUC	256	256	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
67	Phạm Thị Đông	1	1154	LUC	107	107	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
68	Phạm Thị Hoà	1	914	LUC	139	139	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
69	Phạm Thị Hồng	1	1145	LUC	492	492	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
70	Phạm Thị Luyện	1	1056	LUC	216	216	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
71	Phạm Thị Nam	1	1143	LUC	370	370	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1190	LUC	315	315	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
72	Phạm Thị Nguyệt	1	1195	LUC	48	48	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1209	LUC	312	312	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1228	LUC	186	186	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
73	Phạm Thị Rua	1	1097	LUC	236	236	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1050	LUC	330	330	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
74	Phạm Thị Sơn	1	1153	LUC	207	207	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
75	Phạm Thị Thái	1	1016	LUC	163	163	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
76	Phạm Thị Thắm	1	1205	LUC	252	252	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
77	Phạm Thị Thủy	1	1042	LUC	280	280	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
78	Phạm Thị Thư	1	1198	LUC	183	183	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
79	Phạm Văn Đáp	1	949	LUC	212	212	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
80	Phạm Văn Hãnh	1	1051	LUC	225	225	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1152	LUC	282	282	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1197	LUC	99	99	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
81	Phạm Văn Hiệu	1	1110	LUC	177	177	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
82	Phạm Văn Mạnh	1	950	LUC	445	445	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
83	Phạm Văn Như	1	1006	LUC	238	238	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
84	Phạm Văn Nhữ	1	1007	LUC	216	216	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
85	Phạm Văn Soạn	1	1017	LUC	158	158	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
86	Phạm Văn Tam	1	1102	LUC	220	220	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1161	LUC	335	335	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1223	LUC	340	340	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
87	Phạm Xuân Cải	1	1098	LUC	257	257	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
	Phạm Xuân Cải	1	1192	LUC	89	89	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
88	Phạm Xuân Trình	1	1015	LUC	177	177	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
89	Phạm Xuân Trường	1	955	LUC	166	166	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1096	LUC	178	178	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
90	Trần Thị Canh (Kết)	1	1147	LUC	235	235	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1269	LUC	158	155	3	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
91	Trần Trung Sơn	1	959	LUC	124	124	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
92	Trần Văn Thật	1	1156	LUC	389	389	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
93	Trương Đình Hải	1	883	LUC	411	411	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	884	LUC	296	296	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	910	LUC	120	120	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	913	LUC	316	316	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	960	LUC	117	117	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1065	LUC	118	118	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	911	LUC	116	116	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
94	Trương Ngọc Thăng	1	1188	LUC	228	228	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
95	Trương Thị Quảng	1	1224	LUC	183	183	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
96	Trương Xuân Thắng	1	1013	LUC	124	124	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
97	Vũ Thị Hạnh	1	1189	LUC	82	82	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
98	UBND xã	1	915	NTD	218	218	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1649	LUC	52	52	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1645	LUC	59	59	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1236	LUC	183	183	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1227	LUC	87	87	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
98	UBND xã	1	1226	LUC	87	87	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1225	LUC	313	313	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1213	LUC	34	34	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1212	LUC	75	75	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1201	LUC	287	287	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1158	LUC	204	204	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1131	LUC	43	43	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1130	LUC	25	25	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1118	LUC	57	36	21	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1112	LUC	152	152	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1053	LUC	117	117	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1009	LUC	103	103	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1002	LUC	98	98	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1038	HNK	342	182	160	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1165	DTL	108	108	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
98	UBND xã	1	1144	DTL	791	755	36	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1136	DTL	396	219	177	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	

STT	Đối tượng sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Hiện trạng loại đất, dự kiến diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )				Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
				Loại đất	Diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Trong đó			
						Diện tích thực hiện dự án (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		
98	UBND xã	1	1651	DGT	36	36	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1647	DGT	204	194	10	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1646	DGT	15	15	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1644	DGT	2602	2568	34	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
		1	1643	DGT	3540.6	3540.6	0	Thôn Mạc Xá, xã Tứ Kỳ	
<b>Tổng</b>					<b>49,578.8</b>	<b>48,662.8</b>	<b>916.0</b>		

**Tổng diện tích hiện trạng:**

49,578.8 m<sup>2</sup>

- Tổng diện tích thực hiện dự án:

**48,662.8 m<sup>2</sup>**

\* Bao gồm các loại đất:

+ Đất chuyên trồng lúa (LUC):

40,827.2 m<sup>2</sup>

+ Đất công trình giao thông (DGT):

6,353.6 m<sup>2</sup>

+ Đất công trình thủy lợi (DTL):

1,082.0 m<sup>2</sup>

+ Đất trồng cây hàng năm khác

182.0 m<sup>2</sup>

(HNK)

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, Đất cơ sở lưu trữ tro cốt

218.0 m<sup>2</sup>

- Diện tích còn lại

**916.0 m<sup>2</sup>**